

MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA ÁP LỰC THỂ CHẾ ĐẾN VIỆC ÁP DỤNG KẾ TOÁN XANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● LÊ NGỌC ĐOAN TRANG¹ - TRẦN KIM TÚ²

¹Giảng viên, Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Sài Gòn

Email: lndtrang@sgu.edu.vn

²Sinh viên DKE 1223, Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Sài Gòn

Email: 3122320439@sv.sgu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.62831/202608032>

TÓM TẮT:

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính để khảo lược các nghiên cứu hiện có, lý thuyết nghiên cứu của các tác giả để tổng hợp kết quả và xây dựng mô hình nghiên cứu. Kết quả phân tích chỉ ra, áp dụng Kế toán xanh chịu sự chi phối mạnh bởi 3 nhóm áp lực thể chế chính: (2) Áp lực từ các cơ quan quản lý Nhà nước; (2) Áp lực từ người sử dụng báo cáo tài chính và (3) Áp lực từ các Hiệp hội nghề nghiệp. Phát hiện này cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng cho các nhà quản trị và hoạch định chính sách kiểm định mô hình nghiên cứu trong việc xây dựng lộ trình xanh hóa hệ thống kế toán doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: kế toán xanh, áp lực thể chế, ý định áp dụng, doanh nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế phát triển bền vững và cam kết Net Zero vào năm 2050 của Việt Nam, kế toán xanh đã trở thành công cụ quản trị tất yếu giúp doanh nghiệp đo lường và minh bạch hóa các tác động sinh thái. Tuy nhiên, việc chuyển dịch này không thuần túy là sự thay đổi kỹ thuật mà còn là phản ứng chiến lược của doanh nghiệp trước các rào cản định chế.

Tổng quan nghiên cứu quốc tế, từ góc nhìn về tính "hợp thức hóa" tổ chức của Larrinaga-Gonzalez & cộng sự (2001) sự hệ thống hóa của Hahn & cộng sự (2013) đã khẳng định vai trò quyết định của các

áp lực bên ngoài đối với hành vi xanh. Tại Việt Nam, dòng chảy nghiên cứu đã chuyển dịch từ phân tích định tính về thực trạng sang kiểm định thực nghiệm trong các ngành đặc thù như dệt may (Hoàng Thị Hương Giang, 2023) hay sản xuất (Nguyễn Danh Nam, 2025).

Mặc dù vậy, một khoảng trống lý luận vẫn tồn tại khi thiếu vắng các mô hình tích hợp giúp phân tách và so sánh cường độ tác động của bộ 3 áp lực thể chế (áp lực cưỡng chế, Áp lực mô phỏng và áp lực quy chuẩn) đến ý định áp dụng kế toán xanh trong một hệ sinh thái kinh tế đa dạng. Đặc biệt, tại Thành phố

Hồ Chí Minh đầu tàu kinh tế đang chịu áp lực chuyển đổi xanh mạnh mẽ nhất cả nước vấn đề này vẫn chưa được làm rõ một cách hệ thống.

Xuất phát từ thực trạng đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm xây dựng và kiểm định mô hình tác động của các khía cạnh áp lực thể chế đến ý định vận dụng kế toán xanh của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng, hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và quản trị doanh nghiệp trong việc thúc đẩy lộ trình kế toán bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Larrinaga-Gonzalez & cộng sự (2001) đã thực hiện nghiên cứu tình huống chuyên sâu tại Công ty Điện lực ASES (Tây Ban Nha) để làm rõ vai trò của kế toán môi trường trong việc thúc đẩy thay đổi tổ chức. Kết quả cho thấy, mặc dù đơn vị đã đạt được những cải thiện nhất định về hiệu suất sinh thái, nhưng các can thiệp kế toán chủ yếu mang tính "chiếm đoạt thể chế". Thay vì tạo ra sự chuyển biến thực chất trong tư duy quản trị, việc áp dụng kế toán xanh tại đây đóng vai trò như một công cụ để hợp thức hóa hình ảnh doanh nghiệp nhằm đối phó với các áp lực bên ngoài hơn là thúc đẩy sự thay đổi tổ chức sâu sắc.

Greenham (2010) đã thiết lập khuôn khổ lý thuyết nền tảng cho kế toán xanh thông qua việc phân loại dựa trên chủ thể thực hiện, mốc thời gian và phương pháp đo lường. Nghiên cứu chỉ ra, việc thiếu tính bắt buộc và chuẩn hóa là những rào cản chính khiến kế toán xanh chưa thể thúc đẩy thay đổi hành vi doanh nghiệp một cách mạnh mẽ. Tác giả nhấn mạnh một quan điểm mang tính chiến lược: sự thành công của kế toán xanh không chỉ nằm ở kỹ thuật hạch toán mà đòi hỏi sự chuyển đổi toàn diện về tư duy phát triển trong một nền kinh tế xanh đồng bộ. Trong khi đó Hahn & cộng sự (2013) đã hệ thống hóa các nhân tố quyết định đến việc áp dụng và chất lượng báo cáo phát triển bền vững, đồng thời thiết lập mối liên kết chặt chẽ với các lý thuyết nền tảng như: thuyết thể chế, thuyết

tính hợp pháp và thuyết các bên liên quan. Nghiên cứu không chỉ làm rõ các động lực thúc đẩy doanh nghiệp công bố thông tin môi trường mà còn chỉ ra những khoảng trống về quy định và quản trị, tạo tiền đề cho các hướng nghiên cứu thực nghiệm về nhận thức của các bên liên quan trong bối cảnh hiện đại.

Nghiên cứu của Lako (2018) nhấn mạnh tính cấp thiết của việc chuyển đổi sang kế toán xanh tại Indonesia trước bối cảnh khủng hoảng sinh thái và các nghĩa vụ pháp lý về trách nhiệm xã hội. Tác giả đề xuất lộ trình cải cách toàn diện, từ việc tái cấu trúc khuôn khổ lý thuyết đến việc chuyển đổi các Chuẩn mực Kế toán Tài chính (FAS) thành các Tiêu chuẩn Kế toán Xanh (GAS) nhằm cung cấp thông tin tích hợp cho các bên liên quan.

Tóm lại, mặc dù các nghiên cứu quốc tế đã xây dựng được nền tảng lý thuyết quan trọng về lợi ích và khung khổ của kế toán xanh, nhưng phần lớn vẫn tập trung vào tác động của nó đối với hiệu quả hoạt động hoặc trách nhiệm xã hội. Mối quan hệ định lượng giữa các thành phần cụ thể của áp lực thể chế (Cưỡng chế, Mô phỏng, Quy chuẩn) đối với ý định áp dụng kế toán xanh vẫn chưa được làm rõ một cách hệ thống. Đây chính là khoảng trống lý luận quan trọng để các nghiên cứu tại Việt Nam tiếp tục khai thác và kiểm định thực nghiệm.

2.2. Các nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, các nghiên cứu gần đây đã bước đầu khẳng định vai trò của kế toán xanh trong việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao uy tín và tạo lập lợi thế cạnh tranh bền vững. Không chỉ dừng lại ở công cụ quản trị minh bạch, kế toán xanh còn được xem là phản ứng chiến lược giúp doanh nghiệp tuân thủ hệ thống pháp luật môi trường và nâng cao nhận thức nguồn nhân lực.

Các nghiên cứu đã chuyển dịch từ việc định hình khuôn khổ kỹ thuật sang nhận diện các rào cản thực thi hệ thống. Trần Hồng Vân (2025) đã chỉ rõ các thách thức thực tại như sự thiếu hụt khung pháp lý cụ thể, tính phức tạp trong đo lường và rào cản công nghệ. Từ đó, nghiên cứu khẳng định nhu cầu cấp thiết về một chiến lược đồng bộ nhằm hoàn thiện hệ

thống pháp luật và thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác kế toán môi trường. Theo Hoàng Thị Hồng Vân (2022) nghiên cứu được thực hiện tìm hiểu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thúc đẩy áp dụng kế toán xanh tại Việt Nam nhận thấy có 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến thúc đẩy áp dụng KTX trong doanh nghiệp, đó là (i) nhóm yếu tố thuộc về các cơ quan quản lý Nhà nước (Cơ quan quản lý gồm: Quy định: Văn bản hướng dẫn; Chế độ đãi ngộ và Chế tài xử phạt) và (ii) nhóm các yếu tố thuộc về doanh nghiệp gồm: Văn hóa doanh nghiệp; Ngành nghề kinh doanh. Nhóm các yếu tố thuộc về Hiệp hội nghề nghiệp không có ý nghĩa thống kê trong mô hình hồi quy, điều đó phản ánh thực trạng vai trò còn hạn chế của hiệp hội nghề nghiệp trong việc thúc đẩy kế toán xanh tại Việt Nam.

Tác giả Lương Thị Huyền (2024) khẳng định, kế toán xanh là nhân tố then chốt giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí và định vị thương hiệu bền vững. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những rào cản nội tại và khách quan như năng lực nhân sự hạn chế và khung pháp lý chưa đồng bộ. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất nhóm giải pháp tích hợp từ việc hoàn thiện chính sách vĩ mô đến công tác đào tạo chuyên sâu nguồn nhân lực kế toán tại doanh nghiệp. Trong bối cảnh nghiên cứu đương đại, Nguyễn Danh Nam (2025) định lượng hóa các nhân tố tác động đến ý định áp dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp sản xuất khu vực Hà Nội. Kết quả mô hình hồi quy xác nhận vai trò trọng yếu của 6 nhóm yếu tố: 3 loại áp lực thể chế (cường chế, mô phỏng, quy chuẩn) kết hợp cùng nhận thức quản trị, năng lực kế toán và đánh giá chi phí - lợi ích.

Đối lập với hướng tiếp cận định lượng, Trần Thị Thùy (2025) sử dụng phương pháp định tính để làm rõ thực trạng triển khai kế toán xanh tại Việt Nam. Nghiên cứu chỉ ra, dù nhận thức đã cải thiện, việc áp dụng vẫn mang tính sơ khai và hình thức do thiếu hụt khung pháp lý đồng bộ, chi phí đầu tư cao và sự phức tạp trong kỹ thuật đo lường. Sự kết hợp giữa 2 nghiên cứu này cung cấp cái nhìn toàn diện về cả động lực thúc đẩy lẫn những rào cản thực tiễn mà doanh nghiệp đang đối mặt.

Mặc dù các nghiên cứu của các tác giả đã phác thảo được bức tranh tổng quan về vai trò của kế toán xanh đối với hiệu quả hoạt động và trách nhiệm xã hội, phần lớn các nghiên cứu tại Việt Nam vẫn tập trung chủ yếu vào phân tích nhận thức hoặc đánh giá mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp. Một khoảng trống nghiên cứu đáng kể tồn tại khi thiếu vắng các phân tích thực nghiệm chuyên sâu về cơ chế tác động của các yếu tố định chế bên ngoài. Cụ thể, việc tách biệt và đo lường cường độ ảnh hưởng của từng loại áp lực thể chế bao gồm áp lực cường chế từ khung pháp lý, áp lực mô phỏng từ đối thủ cạnh tranh và áp lực quy chuẩn từ các tổ chức nghề nghiệp đến quyết định triển khai kế toán xanh vẫn chưa được làm rõ trong bối cảnh đặc thù của các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc xây dựng một mô hình tích hợp để kiểm định các tác động này là thực sự cấp thiết nhằm lấp đầy khoảng trống về mặt lý luận và cung cấp hàm ý thực tiễn cho lộ trình phát triển bền vững.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Lý thuyết Thể chế (Institutional Theory)

“Thể chế” được Hamilton (1932) nêu ra lần đầu tiên, đó là việc con người dần hình thành thói quen hoặc phong tục theo một suy nghĩ phổ biến và lâu dài. Mặc khác Scapens (1994) cũng có ý kiến tương đồng về thể chế là một hình thức áp đặt và liên kết của xã hội lên các hoạt động của con người. Vì thế lý thuyết thể chế được sử dụng để phân tích cách thức các thể chế - gồm luật lệ, chuẩn mực và giá trị - hình thành, phát triển và ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân, tổ chức và hệ thống chính trị - kinh tế. Lý thuyết thể chế giải thích cách thức các quy tắc, chuẩn mực và giá trị xã hội hình thành và chi phối hành vi của tổ chức (Hamilton, 1932; Scapens, 1994). Theo DiMaggio & cộng sự (2000) trong môi trường có tính bất định cao, các doanh nghiệp thường có xu hướng điều chỉnh hành vi để đạt được tính hợp pháp thay vì chỉ tối ưu hóa lợi ích kinh tế. Thể chế không chỉ giới hạn ở các thiết chế chính thức như luật pháp mà còn bao gồm các cơ chế phi chính thức như đạo đức nghề nghiệp và niềm tin xã hội.

Nghiên cứu này vận dụng Lý thuyết Thể chế mới (New Institutional Sociology - NIS) để giải thích ý định áp dụng kế toán xanh của các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo NIS, các thực hành kế toán không đơn thuần là kỹ thuật quản trị mà là phản ứng của doanh nghiệp trước 3 loại áp lực định chế: (1) Áp lực cưỡng chế (Coercive Pressure): Xuất phát từ các quy định pháp lý về môi trường của Nhà nước và các cơ quan quản lý. Việc tuân thủ giúp doanh nghiệp tránh các chế tài và duy trì sự tồn tại hợp pháp; (2) Áp lực quy chuẩn (Normative Pressure): Hình thành từ kỳ vọng của các hiệp hội nghề nghiệp, chuẩn mực đạo đức của đội ngũ kế toán và yêu cầu từ các bên liên quan (khách hàng, công chúng); (3) Áp lực mô phỏng (Mimetic Pressure): Xảy ra khi doanh nghiệp có xu hướng bắt chước các mô hình thành công của đối thủ hoặc các doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành để giảm thiểu rủi ro và sự bất định.

Việc vận dụng khung lý thuyết này cho phép nhóm tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu tích hợp, giúp giải thích sâu sắc động cơ thúc đẩy doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đổi sang kế toán xanh không chỉ vì mục tiêu lợi nhuận mà còn vì sự thừa nhận của xã hội.

3.2. Thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA)

Thuyết Hành động hợp lý (TRA), được phát triển bởi Ajzen & cộng sự (1988) khẳng định ý định hành vi là tiền đề trực tiếp nhất dẫn đến hành vi thực tế. Ý định này được hình thành từ 2 nhân tố chính: (1) Thái độ: Sự đánh giá tích cực hay tiêu cực của cá nhân về hành vi; và (2) Chuẩn mực chủ quan: Nhận thức về áp lực xã hội từ những người hoặc tổ chức có ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi đó.

Trong nghiên cứu này, TRA cung cấp khung phân tích để giải thích quá trình chuyển hóa các tác động ngoại vi thành ý định nội tại của doanh nghiệp. Cụ thể: (1) Chuẩn mực chủ quan như một cơ chế thể chế: Tại thị trường năng động và hội nhập như Thành phố Hồ Chí Minh, các áp lực thể chế (cưỡng chế, quy chuẩn và mô phỏng) đóng vai trò là "chuẩn mực chủ quan" tác động đến nhà quản trị. Khi các

cơ quan nhà nước, hiệp hội nghề nghiệp và khách hàng quốc tế đặt ra kỳ vọng cao về trách nhiệm môi trường, doanh nghiệp sẽ hình thành ý định áp dụng kế toán xanh để phù hợp với mong đợi của các bên liên quan. (2) Xây dựng giả thuyết: Dựa trên thành phần "Chuẩn mực chủ quan" của TRA, nghiên cứu tập trung kiểm định tác động của 3 nhóm áp lực: (1) Áp lực từ cơ quan quản lý nhà nước; (2) Áp lực từ cộng đồng và người sử dụng báo cáo tài chính; và (3) Áp lực từ các hiệp hội nghề nghiệp kế toán.

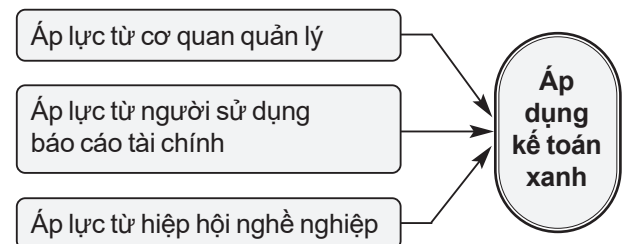
Việc kết hợp lý thuyết hành động hợp lý (TRA) giúp làm rõ ý định áp dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ xuất phát từ lợi ích kinh tế (thái độ), mà còn là kết quả của việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và quy định xã hội (áp lực thể chế).

4. Khung phân tích

Dựa trên tổng quan các nghiên cứu và lý thuyết nghiên cứu, nhóm tác giả đã đưa ra được các áp lực thể chế tác động đến việc áp dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu đề xuất (Hình 1)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Mô hình nghiên cứu:

$$YDKTX = \beta_0 + \beta_1 CQ + \beta_2 CC + \beta_3 HH + \varepsilon$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc: YDKTX - Ý định áp dụng kế toán xanh

Biến độc lập gồm: (1) CQ: Áp lực từ cơ quan quản lý; (2) CC: Áp lực từ người sử dụng báo cáo tài chính; (3) HH: Áp lực từ hiệp hội nghề nghiệp

ε : Hệ số nhiễu

β_i : Hệ số hồi quy

4.2. Giả thiết nghiên cứu

Giả thuyết H1: Áp lực từ cơ quan quản lý có tác động cùng chiều áp dụng kế toán xanh đến của doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh.

Giả thuyết H2: Áp lực từ người sử dụng báo cáo tài chính có tác động cùng chiều áp dụng kế toán xanh đến của doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh.

Giả thuyết H3: Áp lực từ hiệp hội nghề nghiệp có tác động cùng chiều áp dụng kế toán xanh đến của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Kết luận

Tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, dù kế toán xanh đã trở thành một chủ đề được quan tâm rộng rãi, nhưng các phân tích thực nghiệm về cơ chế tác động của áp lực thể chế vẫn còn phân tán và thiếu tính đặc thù. Đặc biệt, tại một trung tâm kinh tế năng động và hội nhập sâu như Thành phố Hồ Chí Minh, cường độ và bản chất

của các áp lực định chế (cường chế, quy chuẩn, mô phỏng) có thể mang những đặc trưng riêng biệt so với bình diện chung của cả nước. Sự tương tác giữa các quy định pháp lý, kỳ vọng từ các bên liên quan quốc tế và áp lực cạnh tranh trong hệ sinh thái kinh tế xanh tại địa phương đòi hỏi một khung phân tích chuyên sâu.

Trên cơ sở kế thừa Lý thuyết Thể chế (NIS) và thuyết Hành động hợp lý (TRA) nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu nhằm kiểm định mối quan hệ giữa các thành phần của áp lực thể chế đến ý định vận dụng kế toán xanh của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Mô hình này không chỉ kỳ vọng lấp đầy khoảng trống lý luận về mặt định lượng mà còn cung cấp hàm ý thực tiễn quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách và quản trị doanh nghiệp trong lộ trình phát triển bền vững ■

Bài báo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên mã số SVC2025-110.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Hoàng Thị Hồng Vân (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến thúc đẩy áp dụng kế toán xanh tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, 241 (tháng 6/2022), 72-84.
- Hoàng Thị Hương Giang (2023). Áp lực thể chế và việc áp dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Công Thương, 12, 192 - 198.
- Lương Thị Huyền (2024). Hoàn thiện công tác kế toán xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tạp chí Tài chính, Số 1 (Kỳ 1) (tháng 01/2024), 158-161.
- Nguyễn Danh Nam (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định áp dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam. Tạp chí Kế toán và Kiểm toán - Hiệp hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA), 1 (256), 42 - 48.
- Trần Thị Thùy (2025). Áp dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn và những rào cản. Tạp chí Tài chính, 2, 115-119.
- Ajzen Icek et al. (1988). Theory of reasoned action-Theory of planned behavior. University of South Florida, 2007, 67-98.
- DiMaggio, Paul J. et al. (2000). The iron cage revisited institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. In Baum, Joel A. C. & Dobbin, Frank (Eds.), Economics Meets Sociology in Strategic Management, 17, Emerald Group Publishing Limited.
- Greenham Tony. (2010). Green accounting: a conceptual framework. International Journal of Green Economics, 4(4), 333-345. doi:10.1504/ijge.2010.037655.

Hahn Rüdiger et al. (2013). Determinants of sustainability reporting: a review of results, trends, theory, and opportunities in an expanding field of research. *Journal of Cleaner Production*, 59, 5-21. doi:10.1016/j.jclepro.2013.07.005.

Hamilton Walton Hale. (1932). Institution. *Encyclopedia of the Social Sciences*, 8, 84-89. Macmillan.

Lako Andreas (2018). Conceptual framework of green accounting. *Accounting*, 60-66.

Larrinaga-Gonzalez, Carlos et al. (2001). Accounting change or institutional appropriation? A case study of the implementation of environmental accounting. *Critical perspectives on accounting*, 12(3), 269-292. doi:10.1006/cpac.2000.0433.

Scapens Robert W. (1994). Never mind the gap: towards an institutional perspective on management accounting practice. *Management Accounting Research*, 5(3), 301-321. doi:10.1006/mare.1994.1019.

Ngày nhận bài: 14/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/01/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/2/2026

A RESEARCH MODEL OF INSTITUTIONAL PRESSURES INFLUENCING THE ADOPTION OF GREEN ACCOUNTING AMONG ENTERPRISES IN HO CHI MINH CITY

● **LE NGOC DOAN TRANG¹**

● **TRAN KIM TU²**

¹Lecture, Faculty of Finance and Accounting, Sai Gon University

²Student, Faculty of Finance and Accounting, Sai Gon University

ABSTRACT:

This study employs qualitative methods to review existing literature and theoretical perspectives, synthesizing prior findings to develop a conceptual research model. The analysis indicates that the adoption of green accounting is strongly shaped by three principal groups of institutional pressures: (1) regulatory pressure from state management agencies, (2) demand-side pressure from users of financial statements, and (3) normative pressure from professional associations. These findings provide important empirical grounding for subsequent testing of the proposed model and contribute to understanding the development of green accounting practices among enterprises in Ho Chi Minh City.

Keywords: green accounting, institutional pressure, intention to adopt, businesses, Ho Chi Minh City.